

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2024

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn;

2. Ông Đào Hoàng Khương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.**

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119C/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn TB, xã TT, huyện ST, tỉnh Q; có mặt

- **Bị đơn:** Ông Trương Văn NE, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp TL, xã TT, huyện VT, tỉnh K; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2024, bà Phan Thị Mỹ P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông NE trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do trong cuộc sống hôn nhân có nhiều quan điểm không hợp nhau nên dẫn đến bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến ly thân. Hiện tại bà P nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh P, vợ chồng không còn dành tình

cảm cho nhau, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn NE.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, bà P và ông NE chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn NE trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P có tổ chức lễ cưới và đăng kí kết hôn. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh P. Nay chị P yêu cầu ly hôn, ông thống nhất ly hôn.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, ông NE và bà P chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông NE khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trương Văn NE là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông NE.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà Phan Thị Mỹ P xin ly hôn với ông Trương Văn NE nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà P và ông NE có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Theo bà P trình bày thì ông bà chung sống được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Tòa án đã triệu tập nhằm mục đích hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng ông NE đều xin vắng. Điều này đã thể hiện ông NE không hợp tác, không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình với bà P. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông NE đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P được ly hôn với ông NE.

[4] *Về con chung:* Trong thời kì hôn nhân, bà P và ông NE chưa có chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Về tài sản chung bà P và ông NE thống nhất xác định không có; về nợ chung bà P và ông NE thống nhất xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà P là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002235 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Bà Phan Thị Mỹ P được ly hôn với ông Trương Văn NE

2. *Về án phí sơ thẩm*: Bà Phan Thị Mỹ P là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002235 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (ông Trương Văn NE) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm